

BÀN THÊM VỀ THỜI KÌ XUẤT HIỆN CỦA CHỮ NÔM

FURTHER DISCUSSION ON THE OCCURRENCE PERIOD OF CHỮ NÔM

NGUYỄN ĐÌNH HIỀN

(TS; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: Based on the opinions of former scholars, the article points out the reason for existing different views on the occurrence period of Chữ Nôm. Basing on analysis of available historic and linguistic data, the article documents that some Chữ Nôm occurred since Eastern Han Dynasty, no later than the end of the 8th century and early 9th century, Chữ Nôm has become a mature writing system.

Key words: Chữ Nôm; Chinese character; Sino-Vietnamese.

1. Lịch sử vấn đề

Các học giả có quan điểm tương đối khác nhau về thời kì xuất hiện của chữ Nôm, có thể điểm lại những quan điểm có ảnh hưởng lớn như sau:

1) Chữ Nôm xuất hiện từ thời Sĩ Nhiếp: Theo như nghiên cứu của học giả Chingho A. Chen (1949) thì Văn Đa cư sĩ là người đầu tiên bàn về niên đại xuất hiện của chữ Nôm. Văn Đa cư sĩ là nho sĩ thời Tự Đức (1848- 1883), trong *Đại Nam quốc ngữ* ông viết: “Sĩ Vương bắt đầu dịch chữ Hán sang tiếng nói của ta, đến ‘thư thư’ thì không biết tiếng ta gọi là chim gì, ‘dương đào’ cũng không biết tiếng ta gọi là cây gì.” Theo suy luận của cư sĩ, Sĩ Nhiếp (187- 226) đã bỏ sung vốn từ vựng của tiếng Việt thông qua việc dịch các từ ngữ của tiếng Hán và vì vậy chữ Nôm cũng có thể đã xuất hiện vào khoảng thời gian này. Rất nhiều học giả sau này như Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Đổng Chi, Trần Văn Giáp, Lê Du,... đều theo thuyết này.

2) Chữ Nôm xuất hiện từ thời Phùng Hưng thế kỉ thứ 8: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (tiền biên, quyển 4) có ghi: “Tháng 4, mùa hạ, năm Tân Mùi (791), năm thứ 7 Trịnh Nguyên thời nhà Đường, người ở thôn Đường Lâm, Phong Châu tên là Phùng Hưng dấy binh đánh Đò phủ. Sau khi chết, mọi người lập con của ông là Phùng An làm Đò phủ quân, tôn Phùng Hưng làm Bố Cái Đại Vương.” “Bố Cái” trong tiếng Việt cổ có nghĩa là “cha mẹ”. Nguyễn Văn Tố dựa vào hai chữ này mà cho rằng chữ Nôm đã xuất hiện từ thời Phùng Hưng thế kỉ thứ 8.

3) Chữ Nôm xuất hiện vào khoảng thời gian từ thế kỉ thứ 10 đến thế kỉ thứ 13: Đây là quan điểm của các học giả như P.Pellio, L.Cadière, Trần

Kinh Hòa, Đào Duy Anh, Nguyễn Tài Cẩn, Lê Văn Quán, Văn Hựu, Nguyễn Quang Hồng,... Song quan điểm cụ thể và căn cứ của các học giả cũng không phải hoàn toàn giống nhau. P.Pellio và L.Cadière căn cứ vào đoạn trích “Ngã quốc văn tự đa dụng quốc ngữ tự Thuần thủy” (văn tự nước ta dùng nhiều quốc ngữ từ Thuần thủy) trong *Hải đông chí lược* của Ngô Thì Sĩ (Thuần ở đây chính là Nguyễn Thuần), đồng thời cũng chỉ ra rằng cùng thời với Nguyễn Thuần thì Nguyễn Sĩ Cố cũng có tác phẩm *Quốc âm thi phú* và Chu Văn An có *Quốc ngữ thi tập*, vì vậy cho rằng chữ Nôm được tạo ra vào thời nhà Trần cuối thế kỉ 13¹.

Nguyễn Tài Cẩn (1985: 19) cho rằng, chữ Nôm là thành tựu của giai đoạn từ đầu thế kỉ thứ 10 đến đầu thế kỉ thứ 15. Sở dĩ ông lấy đầu thế kỉ thứ 10 làm mốc trước là vì chữ Nôm được đọc theo cách đọc Hán Việt, trong khi đó theo quan điểm của ông, cách đọc Hán Việt là một cách đọc bắt nguồn từ tiếng Hán vào giai đoạn cuối đời Đường, và vì vậy chữ Nôm không thể xuất hiện trước thế kỉ thứ 10 (cuối đời Đường). Song ở phần kết của bài viết, ông đã thay đổi một chút quan điểm của mình: “Thành thử, đặt sự mạnh nha của chữ Nôm ở Việt Nam vào khoảng thế kỉ thứ 8, thứ 9, đặt sự hình thành và sự hoàn chỉnh của nó vào khoảng từ cuối thế kỉ thứ 10 đến thế kỉ thứ 12 có lẽ là một cách giả định không những chỉ phù hợp với cứ liệu trong nước mà cũng còn có phần phù hợp với cả tình hình chung trong toàn vùng nữa”.

Lê Văn Quán (1981) cũng có quan điểm gần giống như Nguyễn Tài Cẩn, ông cho rằng chữ

¹ Trích dẫn theo Chingho A. Chen.

Nôm chỉ có thể xuất hiện sau khi cách đọc âm Hán Việt đã hình thành, cũng chính là thời kì Việt Nam giành được độc lập (thế kỉ thứ 8, 9). Song, chữ Nôm phải trải qua một quá trình phát triển lâu dài, phải đến thế kỉ thứ 12 mới được dùng để sáng tác và xuất hiện trong các tác phẩm.

Đào Duy Anh (1975: 43-54) cho rằng âm Hán Việt đã bắt đầu đi vào thời kì ổn định ngay từ khi họ Khúc đẩy nghiệp vào năm 905 nhưng điều này không có nghĩa là chữ Nôm xuất hiện ngay. Thời Đinh, Lê và đầu thời Lý, chữ Nôm mới xuất hiện để đáp ứng nhu cầu mới của xã hội, trải qua quá trình phát triển mấy trăm năm, đến thời đại Lý Cao Tông mới trở thành một hệ thống văn tự hoàn chỉnh.

Nguyễn Quang Hồng (2008: 144) sau khi phân tích các chữ Hán tách rời ghi cấu trúc Cv-CVC và CCVC đã đi đến kết luận: “văn bản giải âm Nôm cho sách *Phật thuyết* Hán văn được hoàn thành không thể muộn hơn thời nhà Lý (vào khoảng đầu thế kỉ XII, thậm chí còn có thể sớm hơn chút ít nữa)”, “Và chính vào giai đoạn lịch sử đó, chữ Nôm bắt đầu trở thành một hệ thống văn tự ghi lại tiếng Việt đương thời”.

Về vấn đề thời kì xuất hiện của chữ Nôm, ngoài ba quan điểm chính trên đây còn có một số ý kiến khác. Phạm Huy Hồ (1919) trên tạp chí *Nam Phong* cho rằng chữ Nôm có thể đã xuất hiện từ thời Hùng Vương. Quan điểm này bị nhiều người phản đối, bởi thứ nhất không có sự liệu chứng minh, thứ hai chữ Nôm có hình dạng thể Khái của chữ Hán trong khi đó thể Khái của chữ Hán đến cuối thời nhà Hán mới có. Thời đại Hùng Vương của nước ta khoảng thế kỉ thứ 3 trước công nguyên, trong khi đó cuối thời nhà Hán là khoảng thế kỉ thứ 3 sau công nguyên. Do vậy, chữ Nôm không thể xuất hiện từ thời đại Hùng Vương.

2. Nguyên nhân

Sở dĩ các học giả có quan điểm khác nhau về thời kì xuất hiện của chữ Nôm là vì: 1) Thiếu sự liệu. Chúng tôi đã tìm trong các thư tịch cổ của Việt Nam và Trung Quốc nhưng không tìm thấy ghi chép nào liên quan đến vấn đề này; 2) Do ảnh hưởng của vấn đề thời gian hình thành cách đọc âm Hán Việt. Chữ Nôm chủ yếu đọc bằng âm Hán Việt, trong khi đó Maspero, Vương Lực,

Nguyễn Tài Căn đều cho rằng âm Hán Việt được hình thành vào thế kỉ thứ 8, thứ 9, do vậy chữ Nôm không thể xuất hiện trước thế kỉ thứ 8, thứ 9; 3) Có cách hiểu khác nhau về thời kì xuất hiện của chữ Nôm. Chữ Nôm là một loại chữ vuông, không phải là văn tự phiên âm, thời cổ đại kiến thức ngôn ngữ học của con người còn nhiều hạn chế, do vậy chữ Nôm với tư cách là một hệ thống văn tự không thể hình thành trong một thời gian ngắn được. Như vậy, thời kì xuất hiện của chữ Nôm được tính là khi một số chữ Nôm lác đác xuất hiện, hay là khi chữ Nôm đã trở thành một hệ thống văn tự?

Nguyễn Tài Căn (1985:32) cho rằng: “Quá trình đặt chữ Nôm là một quá trình sáng tạo liên tục, tiếp diễn không ngừng từ đời này sang đời khác. Chính vì vậy, khi xét đến thời kì xuất hiện của lối chữ vuông này, không thể nào chỉ căn cứ vào sự xuất hiện sớm hay muộn của một số chữ lẻ tẻ, mà phải căn cứ vào đại thể của cả hệ thống”. Với tình thần như vậy, Nguyễn Tài Căn (1985: 38) đi đến kết luận đến giữa thế kỉ thứ 13 thì chữ Nôm mới đúng là một nền văn tự đã trưởng thành thực sự, một nền văn tự đủ để phục vụ cho ghi chép và sáng tác văn học. Thời kì này chữ Nôm đã có số lượng tương đối lớn, đồng thời đã xuất hiện những chữ Nôm biểu thị hư từ.

3. Quan điểm của người viết

Chúng tôi cho rằng cần phải phân biệt hai khái niệm, một là thời kì xuất hiện của chữ Nôm và hai là thời kì hình thành của hệ thống chữ Nôm. Thời kì xuất hiện của chữ Nôm là khi một số chữ Nôm bắt đầu lác đác xuất hiện. Những chữ Nôm này có thể là những chữ mượn của chữ Hán, được sử dụng theo văn phong và ngữ pháp của tiếng Việt, hoặc cũng có thể là loại chữ Nôm tự tạo đơn giản. Trong giai đoạn đầu, có thể người Việt ta đã mượn những chữ Hán có âm đọc giống hoặc gần giống để ghi tên đất, tên người, tên động thực vật, ... từ đó mà tạo ra những chữ Nôm mượn âm.

3.1. Thời kì xuất hiện của chữ Nôm

Về thời kì xuất hiện của chữ Nôm, theo chúng tôi đó là thời Đông Hán với những lí do sau:

1) Hai nước Việt-Trung “núi liền núi, sông liền sông”, từ xa xưa đã qua lại, giao lưu với nhau, điều này được ghi chép trong các thư tịch cổ của cả hai nước. Đến thời nhà Tần, năm 214

ước Công Nguyên, Tần Thủy Hoàng ra lệnh cho hiệu úy Đồ Thư chỉ huy 50 vạn quân, chia làm năm đạo nam tiến, cuộc chiến tranh chống quân Tần của người Việt kéo dài 6 năm (214 tr. CN-208 tr. CN). Thời nhà Hán, giao lưu văn hóa giữa hai nước càng được thúc đẩy hơn. Mặc dù chưa cai quản được nhiều vùng đất, đặc biệt là các vùng xa xôi và chủ yếu sử dụng người bản địa để cai quản, song các triều đại Hán đã bước đầu thành lập được một hệ thống chính quyền. Cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội và sự thuận tiện trong giao thông đi lại, ngày càng có nhiều quan lại người Hán và người thân của họ đến đất Việt, nhiều người Hán phạm tội bị đày đến đây. Ngoài ra, do cuối thời Đông Hán, thời kì đầu của tam quốc và cuối thời Tây Tấn, ở trong địa phận Trung Quốc xảy ra nội loạn, chiến tranh liên miên, rất nhiều người Hán (trong đó có cả các nho sĩ nổi tiếng) chạy sang đất Việt tránh loạn. Các quan lại và nho sĩ nhà Hán như Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp,... đã xây dựng các trường học và dạy tiếng Hán, chữ Hán cho người Việt. *Đại Việt sử kí toàn thư*, quyển 1 có viết: “Nước ta thông thi thư, học lễ nhạc, là một nước văn hiến bắt đầu từ Sĩ Nhiếp”.

Thời kì này, đã có một bộ phận người Việt có trình độ tiếng Hán tương đối tốt, họ nắm được một lượng lớn chữ Hán. Những người như Lý Tiến, Nguyễn Cầm,... làm quan cho nhà Hán có thể chứng minh cho quan điểm này của chúng tôi. Hơn nữa, tiếng Việt và tiếng Hán là hai ngôn ngữ có nhiều điểm khác nhau về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Vì vậy, theo chúng tôi thời Đông Hán các điều kiện cho chữ Nôm xuất hiện đã chín muồi;

2) Từ thời nhà Tần (thế kỉ thứ 3 trước Công Nguyên) đến thời Đông Hán (thế kỉ thứ 3 sau Công Nguyên), tiếng Việt ở trong môi trường tiếp xúc toàn diện với tiếng Hán, chữ Nôm chính là kết quả tất yếu của quá trình tiếp xúc này. Chúng tôi cho rằng thời kì này để đáp ứng nhu cầu giao tiếp, đã có một số người (trong đó có Sĩ Nhiếp) tinh thông cả hai ngôn ngữ Việt và Hán. Điều này được ghi chép trong *Hậu Hán thư* quyển 86 *Nam man truyện*: “Đến khi Vương Mãng nắm quyền, năm thứ hai niên hiệu Nguyên Thủy thời nhà Hán, Hoàng Chi quốc ở phía nam của quận Nhật

Nam đến cổng tế giác. Mặc dù những đất thuộc Giao Chi đã đặt quận huyện nhưng do ngôn ngữ khác nhau phải thông qua phiên dịch mới giao tiếp được”. *Thủ tịch chu tư lục* quyển 6 *An Nam*: “Lúc đó thứ sử tên là Sĩ Nhiếp bắt đầu mở trường, dịch âm ý những kinh truyện của Trung Hạ (Trung Quốc) để dạy người nước này, người nước này bắt đầu nghiệp học từ đó. Nhưng người Trung Hạ nói âm hầu, người nước này nói âm lưỡi. Chữ giống như Trung Hoa song âm đọc lại không giống”. Văn Đa cư sĩ trong *Đại Nam quốc ngữ* có viết: “Sĩ Vương bắt đầu dịch chữ Hán sang tiếng nói của ta, đến ‘thư cưu’ thì không biết tiếng ta gọi là chim gì, ‘dương đào’ cũng không biết tiếng ta gọi là cây gì”. Văn Đa cư sĩ mặc dù là nho sĩ ở thế kỉ thứ 19, song có thể cư sĩ thông qua sử sách mà biết được việc Sĩ Nhiếp dịch tiếng Hán sang tiếng Việt chứ không phải do cư sĩ tự bịa đặt ra.

Tiếp xúc ngôn ngữ luôn luôn là một quá trình tác động hai chiều. Nếu như Sĩ Nhiếp có thể dịch các kinh truyện của Trung Quốc sang tiếng Việt thì ông cũng có thể dùng chữ Hán có âm giống hoặc gần giống để ghi lại những tên người, tên đất, tên động thực vật, tên sản vật của nước Việt, có lẽ chính từ đây một số chữ Nôm giá tá đã được tạo ra. Tên người, tên đất luôn được người ta coi trọng, hơn nữa rất nhiều tên người tên đất của nước ta không có âm đọc tương đương trong tiếng Hán. Để tiện cho quản lí, các quan lại thời bấy giờ chắc hẳn phải có cách ghi chép của mình. Nếu như cho rằng chữ Nôm đến thế kỉ thứ 10 mới xuất hiện thì trong 700 năm (từ thế kỉ thứ 3 đến thế kỉ thứ 10) rất nhiều tên người tên đất của nước ta không được ghi chép, điều này hoàn toàn không hợp lí.

3) Chữ viết là cái vỏ của ngữ âm, là công cụ ghi chép ngữ âm. Ngữ âm luôn luôn biến đổi, mặc dù có thể nhanh hay chậm tùy từng thời kì khác nhau. Để ghi chép ngữ âm một cách chính xác, chữ viết cũng có thể thay đổi ít nhiều. Song, so với ngữ âm chữ viết có tính bảo thủ hơn, nó biến đổi chậm hơn, trong các tác phẩm xuất hiện ở những thời đại sau thường có một bộ phận chữ Nôm đã xuất hiện ở thời đại trước đó. Nếu tìm được những chữ Nôm này, chúng ta có thể phỏng đoán được khoảng thời gian mà chúng xuất hiện,

và để tìm được chúng cách duy nhất là dựa vào âm đọc.

Đại đa số các chữ Nôm đều đọc bằng âm Hán Việt, chúng tôi cho rằng âm Hán Việt đã hình thành từ thế kỉ thứ 6, thậm chí trước thế kỉ thứ 6 (xem Nguyễn Đình Hiến 2011). Ngoài ra, có một số chữ Nôm đọc bằng âm Hán Việt thượng cổ, âm đọc của những chữ này thường bảo lưu những đặc điểm ngữ âm cổ, dựa vào những đặc điểm ngữ âm này chúng ta có thể tìm được thời kì xuất hiện của chữ Nôm. Bảng dưới đây liệt kê một số chữ trong *Quốc âm thi tập*, *Thiên nam ngữ lục*, *Truyện Kiều* (những chữ trùng lặp trong 3 tác phẩm chỉ viết một lần).

Tác phẩm	Chữ Nôm	Âm đọc chữ Nôm	Âm Hán Việt
<i>Quốc âm thi tập</i>	池	Đìa	Tri
	洑	đục	trọc
	焯	đốt	chuyết
	乏	bượp	phạp
	帆	buồm	Phàm
	务	Mùa	vụ
<i>Thiên nam ngữ lục</i>	味	Mùi	vị
	符	Bùa	Phù
	縛	buộc	phọc
<i>Truyện Kiều</i>	万	muôn	vạn
	𧄂	bợm	phạp
	焯	đước	Chúc

“池 tri, 洑 trọc” thuộc thanh mẫu trùng, “焯 chuyết” thuộc thanh mẫu triệt hoặc thanh mẫu chương, “焯 chúc” thuộc thanh mẫu chương. Những chữ này khi là chữ Nôm đều có thanh mẫu là “đ” giống với thanh mẫu của các chữ thuộc đoan và định. Điều này chứng tỏ rằng khi những chữ Nôm này xuất hiện, đoan, tri, chương tỏ vẫn chưa bị phân hóa, trong khi đó đến thời *Thiết vận* (năm 601) đoan, tri, chương đã phân hóa thành ba nhóm thanh mẫu khác nhau, do vậy những chữ Nôm “池 tri, 洑 trọc, 焯 chuyết, 焯 chúc” có trước năm 601, khi *Thiết vận* ra đời.

3.2. Thời kì hình thành của hệ thống văn tự Nôm

Các chữ “乏, 帆, 务, 味, 符, 縛, 万, 𧄂” ở bảng trên đây đều đọc với âm trọng thân (âm môi môi), điều này cho thấy khi những chữ Nôm này xuất hiện vẫn chưa có sự phân hóa giữa âm trọng thân và âm khinh thân (âm môi răng). Dương Kiếm Kiều (1996: 140) cho rằng sự phân hóa giữa âm trọng thân và âm khinh thân có thể bắt đầu từ giữa thế kỉ thứ 7 và sớm hoàn thành vào cuối thế kỉ thứ 8, đầu thế kỉ thứ 9. Do vậy, những chữ Nôm này chắc chắn muộn nhất là vào cuối thế kỉ thứ 8, đầu thế kỉ thứ 9 đã xuất hiện rồi.

Đáng chú ý là những chữ Nôm hình thành mà chúng tôi liệt kê ra trong bảng dưới đây, mặc dù thanh phù của chúng đã đọc bằng âm khinh thân nhưng chúng vẫn đọc với âm trọng thân, điều này cho thấy khi những chữ Nôm này xuất hiện thì thanh phù của chúng chưa biến thành âm khinh thân. Hay nói cách khác, những chữ Nôm này muộn nhất là đầu thế kỉ thứ 9 đã xuất hiện rồi.

Tác phẩm	Chữ Nôm	Hình phù + thanh phù	Âm đọc chữ Nôm	Âm đọc thanh phù
<i>Quốc âm thi tập</i>	𧄂	火 + 乏	bếp	phạp
	膊	月 + 𠂔	bóng	phụng
	𦏧	艹 + 风	bông	phong
	𧄂	食 + 否	bữa	phủ
	𧄂	虫 + 𠂔 (省)	bướm	phiếm
	𧄂	房 + 遼	buồng	phùng
<i>Truyện Kiều</i>	𧄂	糸 + 𠂔 (省)	bén	phiếm
	𧄂	足 + 甫	bò	phủ
	膊	月 + 𠂔	bụng	phụng

Nếu căn cứ vào cách tạo chữ Hán để phân li chữ Nôm thì chữ Nôm có thể được chia thành 6 loại, chữ hội ý, chữ hình thanh. Trong đó có hình thanh là giai đoạn phát triển cao nhất của chữ Nôm. Khi chữ Nôm hình thanh xuất hiện thì chúng không phải chỉ là các một vài chữ

chúng có số lượng lớn. Sở dĩ như vậy là vì sự xuất hiện của chữ Nôm hình thanh chứng tỏ rằng những người tạo ra chúng đã biết cách chia tách chữ Hán (đặc biệt là chữ Hán hình thanh) thành những bộ phận khác nhau, sau đó ghép thành những chữ Nôm khác nhau theo yêu cầu ghi chép của mình. Một hình phù hay thanh phù thường có thể xuất hiện ở nhiều chữ Nôm khác nhau. Do vậy, chúng tôi cho rằng ở thời kì này chữ Nôm đã trở thành một hệ thống văn tự hoàn chỉnh.

Như trên đã giới thiệu, Nguyễn Tài Căn mặc dù cho rằng chữ Nôm là thành tựu của giai đoạn từ đầu thế kỉ thứ 10 đến đầu thế kỉ thứ 15, song nhiều lúc ông cũng thấy phân vân và không chắc chắn về quan điểm này. Ví dụ ông (1985: 160) cho rằng: “Căn cứ vào mối quan hệ lịch sử giữa cổ Hán Việt Đ, B, M với Hán Việt tr, ph, v, chúng ta có thể phỏng đoán đây là những mô hình có khả năng xuất hiện đầu tiên trong khoảng từ thế kỉ 10, 11 trở về trước.” Ở một chỗ khác ông (1985: 26) viết cụ thể hơn: “Trong chữ Nôm, dia thường viết là thủy + đề, nhưng cũng có khi có thể viết là tri. Đục với ý nghĩa là đục trong thì hầu như bao giờ cũng viết là trọc. Sự tồn tại của những chữ Nôm kiểu này cũng là những cứ liệu rất quý: đó cũng là những mô hình chúng tôi rằng về mặt khả năng lí thuyết, rất có thể có một số chữ Nôm đã xuất hiện ngay từ giai đoạn nửa đầu đời Đường”.

Mặc dù vậy, giáo sư Nguyễn Tài Căn vẫn cho rằng những chữ Nôm như vậy chiếm tỉ lệ rất nhỏ, những mô hình ngữ âm của chữ Nôm thường phản ánh ngữ âm trong khoảng từ thế kỉ thứ 10 đến thế kỉ thứ 15.

Chúng tôi cho rằng: 1) Ngữ âm trong khoảng thời gian từ thế kỉ thứ 10 đến thế kỉ thứ 15 là do kế thừa và phát triển ngữ âm của giai đoạn trước đó (thế kỉ thứ 8, 9), do vậy ngữ âm ở giai đoạn thế kỉ thứ 10 đến thế kỉ thứ 15 giải thích được các mô hình ngữ âm của chữ Nôm thì ngữ âm của thời kì trước đó cũng có thể giải thích được; 2) Nếu cho rằng chữ Nôm chỉ xuất hiện sau thế kỉ thứ 10 thì sẽ không giải thích được những chữ Nôm có mô hình ngữ âm cổ Hán Việt Đ, B, M với Hán Việt tr, ph, v; 3) Tỉ lệ bao nhiêu là nhỏ,

bao nhiêu thì là lớn? Quan điểm “thiếu số phục tùng đa số” không phù hợp trong trường hợp này.

4. Kết luận

Qua những phân tích trên đây, chúng tôi cho rằng thời Đông Hán điều kiện để chữ Nôm xuất hiện đã chín muồi, rất có thể một số chữ Nôm, đặc biệt là chữ Nôm giá tá đã xuất hiện ở thời kì này.

Chữ Nôm hình thanh là giai đoạn phát triển cao nhất của chữ Nôm. Chúng thường xuất hiện với một số lượng lớn. Qua nghiên cứu chúng tôi phát hiện những chữ Nôm hình thanh có mô hình ngữ âm thể hiện âm trọng thân và âm khinh thân chưa phân hóa, điều này chứng tỏ muộn nhất là cuối thế kỉ thứ 8, đầu thế kỉ thứ 9, chữ Nôm đã trở thành một hệ thống văn tự hoàn chỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chingho A. Chen (1991), *Hình thái và niên đại sáng chế chữ Nôm*, Đại học số 1 (1991) 81 (Nguyên tác 1949).
2. Đào Duy Anh (1975), *Chữ Nôm - nguồn gốc - cấu tạo - diễn biến*, Nxb Khoa học Xã hội.
3. Dương Kiểm Kiều (1996), *Hán ngữ hiện đại âm vận học*, Nxb Đại học Phúc dân.
4. Lê Văn Quán (1981), *Bước đầu tìm hiểu thời kì xuất hiện chữ Nôm*, Nghiên cứu lịch sử số 5 năm 1981.
5. Nguyễn Đình Hiền (2011), *Thời gian hình thành và cơ sở ngữ âm của âm Hán Việt trung cổ*, Tạp chí Khoa học tập 27 số 1.
6. Nguyễn Ngọc San (2003), *Lí thuyết chữ Nôm văn Nôm*, Nxb Đại học Sư phạm.
7. Nguyễn Quang Hồng (2008), *Khái luận văn tự học Chữ Nôm*, Nxb Giáo dục.
8. Nguyễn Tài Căn (1985), *Một số vấn đề về chữ Nôm*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
9. Phạm Huy Hồ (1919), *Việt Nam ta biết chữ Hán từ đời nào?* Tạp chí Nam Phong tập 29 số 11.
10. Văn Hựu (1933), *Bàn về cấu tạo của chữ Nôm và mối quan hệ của chúng với chữ Hán*, Yên kinh học báo, số 14 (1933) 201.
11. Vương Lực (1982), *Long trùng tịnh điều trai văn tập* (tập 2), Trung Hoa thư cục.